

ỨNG DỤNG MÔ HÌNH TÀI CHÍNH ĐỂ XẾP HẠNG DOANH NGHIỆP NGÀNH THỦY SẢN – TRƯỜNG HỢP CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN MEKONG

Huỳnh Minh Đoàn*

TÓM TẮT

Mục đích chủ yếu của bài viết này là ứng dụng mô hình tài chính để xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp ngành thủy sản – trường hợp công ty cổ phần thủy sản Mekong. Đề tài sử dụng mô hình tài chính để đánh giá mức độ tín nhiệm của doanh nghiệp. Với kết quả nghiên cứu, tác giả đã đưa ra một số khuyến nghị nhằm góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác xếp hạng tín nhiệm các doanh nghiệp chế biến thủy sản ở Việt Nam, là cơ sở để các tổ chức tín dụng, nhà đầu tư quyết định triển khai nguồn vốn tín dụng và đầu tư của mình.

Từ khóa: Mô hình xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp.

ABSTRACT

A major purpose of this article is financial modeling application for business credit rating fisheries – the case of joint stock company Mekong fishery. The paper uses financial model to assess the credit-worthiness of businesses. With the results of the research, we has made recommendations to improve efficiency in business credit rating fisheries in Viet Nam, this is the basis for credit institutions, investors decided to implement credit funds and their investment.

Keyword: model business credit rating.

1. Giới thiệu

Công ty chế biến thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long đang trong giai đoạn khó khăn về nguyên vật liệu đầu vào, thị trường xuất khẩu ngày càng bị thu hẹp do bị cạnh tranh gay gắt bởi các công ty thủy sản trong khu vực. Ngoài ra, các công ty thủy sản rất cần một nguồn vốn lớn để bao tiêu sản phẩm cho người nuôi và mở rộng sản xuất. Do đó, rất cần sự hỗ trợ từ Chính phủ, các ngân hàng và các

nhà đầu tư trong và ngoài nước. Để có được nguồn vốn, đòi hỏi các công ty chế biến thủy sản phải có một chiến lược phát triển hợp lý và tình hình tài chính lành mạnh. Nội dung nghiên cứu có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các nhà đầu tư, các tổ chức tín dụng nghiên cứu đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh cho các doanh nghiệp ngành thủy sản ở Việt Nam nói chung và các công ty thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng để đưa ra các quyết định như có nên đầu tư vốn vào công ty này không, có nên cho công ty này vay vốn hay không?...

* Thạc sĩ, Khoa Kế toán Tài chính Ngân hàng, Trường Đại học Cửu Long

2. Phương pháp và đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng thông tin thứ cấp được thu thập từ báo cáo tài chính của công ty cổ phần thủy sản Mekong trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Số liệu được thu thập từ năm 2010 - 2014.

Thông tin được xử lý thông qua phần mềm Microsoft Excel. Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả để thống kê, mô tả lại các hoạt động của các công ty như quy mô đầu tư vốn, lợi nhuận, sự cân đối giữa tài sản và nguồn vốn,.....

Đề tài nghiên cứu sử dụng mô hình tài

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1 Phân tích các biến trong mô hình

Bảng 1: Bảng phân tích các chỉ tiêu tài chính năm 2010 – 2014

Chỉ tiêu	ĐVT	2010	2011	2012	2013	2014
Các chỉ tiêu thanh khoản						
1. Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	7,680	6,965	8,201	5,934	6,299
2. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	6,179	4,535	4,064	3,578	3,597
Các chỉ tiêu đòn bẩy (%)						
1. Tỷ số nợ	%	11,974	12,978	10,652	14,134	13,408
2. Tỷ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	13,603	14,913	11,922	16,461	15,484
3. Nợ quá hạn/Tổng dư nợ NH	%	0,000	0,000	0,000	0,000	0,000
Các chỉ tiêu hoạt động						
1. Vòng quay tài sản cố định	vòng	6,743	8,616	7,453	9,748	9,031
2. Vòng quay tồn kho	vòng	9,914	9,408	4,849	5,168	4,558
3. Kỳ thu tiền bình quân	Kỳ	69,331	59,334	54,530	38,859	46,103
Các chỉ tiêu doanh lợi (%)						

chính để xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp ngành chế biến thủy sản. Mô hình xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp theo hướng dẫn của NHNN Việt Nam nhằm tiến đến tiêu chuẩn hóa đánh giá các chỉ tiêu tài chính có thể áp dụng cho các ngân hàng thương mại trong nước. Mô hình tài chính đang thực hiện và sử dụng các chỉ tiêu tài chính để chấm điểm theo hướng dẫn tại quyết định số Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về Phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng và thông tư số 14/2014/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Chỉ tiêu	ĐVT	2010	2011	2012	2013	2014
1. LN sau thuế/Doanh thu	%	9,128	10,011	2,883	1,535	2,023
2. LN sau thuế/Tổng tài sản	%	13,139	19,355	4,548	2,786	2,964
3. LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	15,327	22,113	5,162	3,181	3,438

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2010 – 2014 của công ty & tính toán của tác giả)

Các biến trong mô hình xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp được chia ra làm 4 nhóm với 11 biến.

- Nhóm các chỉ tiêu thanh khoản

+ Biến khả năng thanh toán hiện thời: nhìn vào bảng kết quả trên ta thấy giá trị của biến này thay đổi không nhiều. Giá trị cao nhất vào năm 2012 là 8,201 và thấp nhất là năm 2013 chỉ đạt 5,934. Tuy nhiên nhìn chung, giá trị biến này đạt rất cao, chứng tỏ công ty có khả năng trả được các khoản nợ ngắn hạn.

+ Biến khả năng thanh toán nhanh: giá trị này đã loại bỏ hàng tồn kho vì nội dung này có khả năng thanh khoản chậm, không thu tiền nhanh để trả các khoản nợ ngắn hạn. Nhìn vào kết quả trên ta thấy công ty có đủ khả năng trả các khoản nợ ngắn hạn mà không cần dùng đến lượng hàng tồn kho.

- Nhóm chỉ tiêu đòn bẩy

+ Biến tỷ số nợ: giá trị này trong những năm gần đây có xu hướng tăng lên, năm 2014 giá trị này đạt 13,408. Do đó, trong những năm tới cần có những chính sách làm giảm giá trị này lại.

+ Biến tỷ số nợ/vốn chủ sở hữu: giá trị này không biến động nhiều từ năm 2010 đến nay. Điều này cho thấy sự ổn định của công ty.

+ Biến nợ quá hạn/tổng dư nợ ngân hàng: trong những năm qua công ty không có nợ quá hạn, đây là dấu hiệu tốt, công ty cần phát huy.

- Nhóm chỉ tiêu hoạt động

+ Biến vòng quay tài sản cố định: giá trị này có xu hướng tăng lên. Thấp nhất là năm 2010 với số vòng quay là 6,743 vòng. Cao nhất là năm 2013 với 9,748 vòng, năm 2014 giá trị này có giảm đôi chút nhưng vẫn còn ở mức cao đến 9,031 vòng.

+ Biến vòng hàng tồn kho: giá trị biến này có xu hướng giảm xuống, cao nhất là năm 2010 với 9,914 vòng. Thấp nhất là 4,558 vòng vào năm 2014. Điều này cho thấy sự hợp lý trong kinh doanh của công ty.

+ Biến kỳ thu tiền bình quân: trong năm 2014 có xu hướng tăng lên so với năm 2013 nhưng giá trị đạt không cao chỉ có 46,103 ngày trên kỳ. Điều này cho thấy trong những năm gần đây tình hình thu nợ của công ty rất tốt. Cho thấy công ty hoạt động có hiệu quả.

- Nhóm chỉ tiêu đánh giá lợi nhuận

+ Biến lợi nhuận sau thuế trên doanh thu: giá trị này có xu hướng giảm, thấp nhất vào năm 2013 với giá trị là 1,535. Nghĩa là cứ 100 đồng doanh thu thì có 21,535 đồng lợi nhuận sau thuế. Năm 2014 giá trị này có tăng nhưng không nhiều, điều này cho thấy chi phí của công ty vẫn còn cao. Do đó trong những năm tới cần có những chính sách làm giảm chi phí để tăng lợi nhuận cho công ty.

+ Biến lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản: giá trị này trong những năm gần đây giảm

liên tục, điều này cho thấy công ty sử dụng tài sản chưa thật sự hiệu quả. Cụ thể năm 2014 cứ 100 đồng tài sản chỉ tạo được 2,023 đồng lợi nhuận sau thuế, thấp rất nhiều so với năm 2011. Do đó, trong những năm tới công ty cần có những chính sách sử dụng tài sản sao cho hợp lý.

+ Biến lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu: giá trị này trong những năm gần giá trị này giảm mạnh và thấp nhất vào năm 2013 chỉ đạt 3,181 có nghĩa là cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu chỉ tạo ra được 3,181 đồng lợi nhuận sau thuế. Năm 2014 giá trị này có tăng lên nhưng không cao mấy.

3.2 Kết quả mô hình xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp ngành chế biến thủy sản trường hợp công ty cổ phần thủy sản Mekong

Bảng 2: Bảng xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp từ năm 2010 - 2014

CHỈ TIÊU	ĐVT	2010	2011	2012	2013	2014
Các chỉ tiêu thanh khoản						
1. Khả năng thanh toán hiện thời	Lần	7,6805	6,9655	8,2009	5,9344	6,2989
2. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	6,1793	4,5353	4,0642	3,5777	3,5966
Các chỉ tiêu đòn bẩy (%)						
1. Tỷ số nợ	%	11,974	12,978	10,652	14,134	13,408
2. Tỷ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	13,603	14,913	11,922	16,461	15,484
3. Nợ quá hạn/Tổng dư nợ NH	%	0	0	0	0	0
Các chỉ tiêu hoạt động						
1. Vòng quay tài sản	vòng	6,7429	8,6156	7,4528	9,7483	9,0308
2. Vòng quay tồn kho	vòng	9,9143	9,4082	4,8488	5,1684	4,5577
3. Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	69,331	59,334	54,53	38,859	46,103
Các chỉ tiêu doanh lợi (%)						
1. LN sau thuế/Doanh thu	%	9,1276	10,011	2,8833	1,5347	2,023
2. LN sau thuế/Tổng tài sản	%	13,139	19,355	4,5476	2,7856	2,9641
3. LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	15,327	22,113	5,1617	3,1814	3,4376
ĐIỂM TỔNG		144	147	87	92	87
XẾP HẠNG DOANH NGHIỆP		A	A	B	B	B

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2010 – 2014 của công ty & tính toán của tác giả)

Sau khi tính toán giá trị của các biến và đưa giá trị đó vào mô hình. Mô hình cho ra tổng điểm của các biến số và xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp.

Tổng điểm của doanh nghiệp cao nhất vào năm 2011 và năm 2010 với tổng số điểm

trên 144 điểm được xếp hạng A. Còn các năm gần đây tổng điểm có giảm xuống nhưng vẫn còn ở mức cao trên 87 điểm được xếp hạng B.

Với số điểm trên mô hình đưa ra giá trị xếp hạng của doanh nghiệp như sau:

Bảng 3: Bảng kết luận về xếp hạng doanh nghiệp

Năm	Xếp hạng DN	Kết luận
2010	A	DN hoạt động có hiệu quả, tình hình tài chính lành mạnh, có tiềm năng phát triển, rủi ro thấp
2011	A	DN hoạt động có hiệu quả, tình hình tài chính lành mạnh, có tiềm năng phát triển, rủi ro thấp
2012	B	DN hoạt động chưa hiệu quả, khả năng tự chủ tài chính thấp, có nguy cơ tiềm ẩn. Rủi ro trung bình.
2013	B	DN hoạt động chưa hiệu quả, khả năng tự chủ tài chính thấp, có nguy cơ tiềm ẩn. Rủi ro trung bình.
2014	B	DN hoạt động chưa hiệu quả, khả năng tự chủ tài chính thấp, có nguy cơ tiềm ẩn. Rủi ro trung bình.

Như vậy, nhìn vào kết quả trên cho thấy mức tín nhiệm của công ty trong những năm gần đây tương đối ổn định. Doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả và có tình hình tài chính lành mạnh, tiềm năng phát triển cao trong giai đoạn 2010 – 2011. Trong những năm gần đây tình hình tài chính của công ty có phần giảm xuống nguyên nhân là do doanh nghiệp hoạt động chưa có hiệu quả. Từ đó, làm cho năng lực tài chính giảm xuống và làm tăng rủi ro của công ty.

4. Kết luận và khuyến nghị

4.1. Kết luận

Thông qua các chỉ số tài chính của công ty, cho thấy tình hình tài chính của công ty

chưa tốt. Tình hình sử dụng tài sản và nguồn vốn của công ty chưa mang lại hiệu quả cao. Từ đó làm cho tỷ suất sinh lợi của công ty thấp, nên làm ảnh hưởng đến kết quả xếp hạng của doanh nghiệp. Kết quả xếp hạng của doanh nghiệp trong những năm gần đây luôn ở mức B.

4.2. Khuyến nghị

4.2.1. Đối với doanh nghiệp

- Trong 11 biến tác động đến kết quả xếp hạng doanh nghiệp thì 3 biến chưa có giá trị đóng góp cao vào công tác xếp hạng doanh nghiệp thấp đó là tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở

hữu. Do đó, trong những năm tới công ty cần nâng cao giá trị của các biến này bằng cách tăng doanh thu, giảm chi phí để tăng lợi nhuận.

- Công ty cần nâng cao chất lượng chuyên môn của bộ phận tài chính, đặc biệt là giám đốc tài chính.

- Công ty cần có bộ phận chuyên môn về thẩm định dự án, để đánh giá hiệu quả các dự án mới hoặc các phương pháp áp dụng kỹ thuật mới để nâng cao hiệu quả của các dự án. Từ đó làm tăng hiệu quả sử dụng vốn của công ty.

- Bộ phận kế toán của công ty cần cập nhật những thay đổi về chế độ kế toán, những thông tư quy định về sự thay đổi tài khoản của Bộ Tài chính và cơ quan thuế.

- Báo cáo tài chính của công ty cần được kiểm toán trước khi công khai ra công chúng, để đảm bảo sự chính xác cho những người sử dụng thông tin của công ty để đầu tư, tài trợ,...

4.2.2 Đối với ngân hàng

- Ngoài việc xem xét tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thông qua báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Cán bộ tín dụng ngân hàng có thể sử dụng phương pháp xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp để tham khảo và đưa ra quyết định cho vay đối với các doanh nghiệp.

- Quá trình thực hiện mô hình xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp khá đơn giản, do đó các

cán bộ tín dụng ngân hàng có thể thiết lập cho mình một mô hình đánh giá năng lực tài chính của doanh nghiệp thông qua mô hình xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp. Để có thể so sánh kết quả của mình với kết quả của doanh nghiệp.

- Công tác xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp đối với bộ phận tín dụng rất quan trọng. Do đó, ngoài phần mềm của ngân hàng bộ phận tín dụng cần tham khảo thêm nhiều mô hình đánh giá năng lực tài chính của khách hàng như mô hình CIC, mô hình Moody's, Mô hình S&P,... để có thể so sánh những kết quả đạt được từng mô hình. Từ đó, có những quyết định đúng đắn hơn trong công tác thẩm định khách hàng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Fitch (2006), "Corporate Rating Methodology", www.fitchratings.com
2. Moody's (2008), "Moody's Rating Symbols and Definitions", www.moodys.com
3. Moody's (2008), "Moody's Financial Metrics™ Key Ratios by Rating and Industry for Global Non-Financial Corporations: 2008", www.moodys.com
4. Standard & Poor's (2008), "Corporate Ratings Criteria", Standard & Poor's. Lâm Minh Chánh (2007), "Dùng chỉ số Z để ước tính Hệ số Tín Nhiệm", www.saga.vn

Ngày nhận bài: 13/7/2015

Ngày gửi phản biện: 5/5/2016